

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27-6-2024

V/v: Ly hôn giữa chị Thu và
anh An

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Nghị

Bà Trần Thị Hải Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 47/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo **ết**” quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 và **ết**” quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Huyền T, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trường A, sinh năm 2002; Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

(Chị T xin vắng mặt có lý do; anh A vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11-3-2024, **ản**” Bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị Huyền T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trường A, sinh năm 2002 đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 15-12-2022 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh A tại thôn A, xã N, huyện N. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 02/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh A chơi bời cờ bạc trên mạng dẫn đến việc nợ nần và mang xe máy của chị, của bố mẹ đẻ anh A đi cầm cố nhiều lần. Chị và bố mẹ hai bên có khuyên bảo nhưng anh A vẫn không thay đổi. Do đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị Thu n thấy không còn tình cảm với anh A, không thể hàn gắn và chung sống được với anh A nữa nên chị làm đơn đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trường A để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị T xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Trường A nhận các tài liệu gồm: Thông báo thụ lý vụ án số 47/2024/TB-TLVA ngày 02 tháng 4 năm 2024; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác cho anh A. Anh A đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh A không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T.

Qua xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của chị T và anh A tại nơi cư trú có xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân: Trưởng thôn A, xã N cho biết anh Nguyễn Trường A, sinh năm 2002 có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã N, huyện N. Anh A và chị Bùi Thị Huyền T có đăng ký kết hôn vào cuối năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã N. Quá trình chung sống anh A và chị T có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn như thế nào, nguyên nhân từ đâu địa phương không nắm rõ do các đương sự không thông qua hòa giải tại cơ sở. Vợ chồng anh A và chị T không có con chung và không có tài sản chung. Hiện nay anh A đang sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn A, xã N, huyện N. Chị T không còn ở chung với anh A và gia đình anh A nữa. Đại diện thôn A xác nhận các văn bản tố tụng của Tòa án đã được giao tận tay cho anh A.

Vì lý do công việc bận nên chị T có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp **ật tố"** luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Huyền T và anh Nguyễn Trường A.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc chị Bùi Thị Huyền T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị Huyền T có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh Nguyễn Trường A là bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh A vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh A là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị Huyền T và anh Nguyễn Trường A là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 15-12-2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 02/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh A chơi

bồi cò bạc trên mạng dẫn đến việc nợ nần và mang xe máy của chị, của bố mẹ để anh A đi cầm cố nhiều lần. Chị T và gia đình hai bên có khuyên bảo nhưng anh A vẫn không thay đổi. Từ đó vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa chị và anh A, chị T đề nghị cho chị được ly hôn anh A.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh A và qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh A là có thật, việc mâu thuẫn xuất phát từ việc do anh A chơi lô đề dẫn đến nợ nần nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng từ đó lạnh nhạt, không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm với nhau. Trong thời gian sống ly thân, hai bên không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho chị được ly hôn với anh A. Quá trình giải quyết vụ án, anh A đã biết việc chị T xin ly hôn nhưng anh A không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản ý kiến của mình cho Tòa án, chứng tỏ bản thân anh A cũng không còn nguyện vọng mong muốn tiếp tục chung sống với chị T. Từ những phân tích trên, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T đối với anh A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung*: Chị T xác nhận vợ chồng không có con chung.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị T xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Huyền T và anh Nguyễn Trường A.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị Huyền T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai số 0005012 ngày 02-4-2024 của **Cục"** Cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Nghĩa An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga

